

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Công nghệ sinh học nông, lâm nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Thị Thu Hiền

2. Ngày tháng năm sinh: 10/04/1987 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Văn Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tòa nhà Mỹ Sơn, 62 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phan Thị Thu Hiền, Khoa Sinh – Kỹ thuật Nông nghiệp, Phòng 804, tòa nhà A1, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 32 Nguyễn Văn Linh, Xuân Hòa, Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Điện thoại nhà riêng: 0977 970 375; Điện thoại di động: 0977 970 375; E-mail: phanthithuhien@hpu2.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 1 năm 2020: Giảng viên tại Khoa Sinh – Kỹ thuật Nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Từ tháng 2 năm 2020 đến tháng 7 năm 2022: Giảng viên chính tại Khoa Sinh – Kỹ thuật Nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 7 năm 2022 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Di truyền và Công nghệ sinh học, Khoa Sinh – Kỹ thuật Nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sinh – Kỹ thuật Nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 32 Nguyễn Văn Linh, Xuân Hòa, Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Điện thoại cơ quan: 02113 863 416.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Cần Thơ.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 06 năm 2009; số văn bằng: A 346909; ngành: Sư phạm Sinh học, chuyên ngành: Sư phạm Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 07 năm 2012; số văn bằng: 8849; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Di truyền học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 03 tháng 08 năm 2018; số văn bằng: 008432; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Di truyền học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Công nghệ Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Bộ gene và ứng dụng trong nông nghiệp.

- Công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong chọn tạo giống nông nghiệp.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng theo hướng an toàn và bảo vệ môi trường trong nông nghiệp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp Bộ; 01 đề tài KHCN ưu tiên thực hiện cấp cơ sở; 01 đề tài KHCN cấp cơ sở.
- Đã công bố 35 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm học 2014 – 2015 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Giấy khen của Hiệu trưởng cho viên chức có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm học 2023 – 2024 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đủ tiêu chuẩn, đã và đang thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà giáo.

- Tôi luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật, quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức; có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung. Có phẩm chất và lương tâm nghề nghiệp trong sáng, tích cực học tập, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, có lối sống và cách ứng xử chuẩn mực. Tôi không vi phạm đạo đức nhà giáo và không bị các hình thức kỉ luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp quy định.

- Bản thân tôi đã và đang tham gia công tác chỉnh sửa, cập nhật, thẩm định các chương trình đào tạo trình độ Đại học, sau Đại học đã triển khai áp dụng vào thực tế.

- Hướng dẫn sinh viên, học viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận, luận văn tốt nghiệp.

- Tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, gắn kết, hợp tác với các nhà khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu để thực hiện công tác Đào tạo và các đề tài Khoa học công nghệ các cấp.

- Cho đến hiện tại, tôi đã công bố được 35 bài báo trên tạp chí khoa học, trong đó có 06 bài báo được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus. Đồng thời, tôi cũng chủ nhiệm 01 đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, 01 đề tài Khoa học công nghệ ưu tiên cấp cơ sở, 01 đề tài Khoa học công nghệ cấp cơ sở đã được nghiệm thu.

Ứng viên tự đánh giá đáp ứng tiêu chuẩn để được công nhận chức danh Phó giáo sư năm 2024. Kính trình Hội đồng các cấp xem xét, đánh giá và phê duyệt.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 9 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017 - 2018					481		481/481/270
2	2018 - 2019				1	279		279/319/270
3	2020 - 2021			1	2	243	81	324/354/270
03 năm học cuối								
4	2021 - 2022			2		243	81	324/335,3/240
5	2022 - 2023			1	1	162	81	243/301/192
6	2023 - 2024					121,5	162	283,5/289,5/192

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Hà Nội, ngành Ngôn ngữ Anh, số bằng: 001407; năm cấp bằng: 2017.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

+ Tác giả của các bài báo đăng trên tạp chí bằng tiếng Anh;

+ Tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngôn ngữ Anh (hệ chính quy), cấp ngày 17/2/2017.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/B SNT	Chính	Phụ			
1	Châu Ngọc Tuyên		x	x		01/2021 - 12/2021	Trường Đại học Cần Thơ	27/04/2022
2	Hà Đức Chính		x		x	01/2021- 12/2021	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	04/03/2022
3	Nguyễn Thị Kim Anh		x	x		1/2022 - 12/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	23/12/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Chuyển gen <i>cry8Db</i> có tính kháng côn trùng vào cây mía	TK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019	3	x	19 – 45; 62 – 128; 134 - 145	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo số 343/GXN- ĐHSPHN2 ngày 06/6/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Chuyên đề sinh học 11	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2023	6	5 - 15	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo số 343/GXN-ĐHSPHN2 ngày 06/6/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
3	Chuyên đề sinh học 11 (Sách giáo viên)	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2023	6	5 - 17	Giấy xác nhận về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo số 343/GXN-ĐHSPHN2 ngày 06/6/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu xây dựng và phát triển quy trình sản xuất giống mía (<i>Saccharum L.</i>) sạch bệnh bằng công nghệ tế bào	CN	C.2014.39 Đề tài KHCN cấp cơ sở	04/2014 – 04/2015	28/05/2015 Xếp loại: tốt
2	Nghiên cứu quy trình sản xuất giống lan Đại châu đỏ (<i>Rhynchostylis gigantea</i>) bằng công nghệ nuôi cấy <i>in vitro</i>	CN	C.2016 – 18- 02 Đề tài KHCN ưu tiên thực hiện cấp cơ sở	06/2016 – 06/2017	19/06/2017 Xếp loại: tốt.
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Ảnh hưởng của hạt nano kim loại lên sinh trưởng và năng suất của cây đậu tương (<i>Glycine max</i> L. Merr. DT 96)	CN	B.2021-SP2-04 Đề tài KHCN cấp Bộ	01/2021 – 12/2023	02/01/2024 Xếp loại: đạt
---	---	----	-------------------------------------	-------------------	-----------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Phân tích đa dạng di truyền quần thể nữ lang (<i>Valeriana hardwickii</i> Wall) ở Lâm Đồng bằng chỉ thị phân tử RAPD	6		Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam/ISSN 1859 - 1558			Số 3 (33): 126 -135	8/2012
2	Quy trình nhân nhanh giống mía ROC22 (<i>Saccharum officinarum</i> L.) từ đỉnh sinh trưởng và chồi nách	3	X	Tạp chí khoa học trường ĐHSP Hà Nội 2/ISSN: 1859 – 2325.			Số 35: 62 – 71.	2/2015
3	Hệ thống tái sinh từ phôi soma của một số giống mía cao sản (<i>Saccharum officinarum</i> L.) phục vụ công tác chuyển gen	3	X	Tạp chí công nghệ Sinh học/ISSN:1811 – 4989 (1859 – 2201)			Số 13 (3):907-917	9/2015
4	Bước đầu vận dụng quan điểm tích hợp để giảng dạy học phần di truyền người cho sinh viên ngành sư phạm sinh học	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc về bồi dưỡng năng lực cho giảng viên các trường sư phạm/ISBN: 978 – 604 – 80 – 1310 -3			578-583	10/2015

5	Quy trình chuyển gen hiệu quả vào phôi soma của giống mía ROC22 (<i>Saccharum officinarum</i> L.) thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	3	X	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ 0866 - 8612			Tập 31, Số 4S: 108-114.	10/2015
6	Nhân giống <i>in vitro</i> cây giảo cổ lam bảy lá (<i>Gynostemma pentaphyllum</i>)	6		Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859 – 4581			Tập 2: 254 - 260	12/2015
7	Nhân giống lan đai châu đỏ <i>Rhynchostylis gigantea</i> bằng kỹ thuật nuôi cấy <i>in vitro</i>	2	X	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ISSN: 0866 – 8612			Tập 33, số 1: 48 - 57	3/2017
8	Quy trình chuyển gen <i>ex vitro</i> vào đoạn thân mía thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i> .	3	X	Tạp chí công nghệ Sinh học/ ISSN:1811 – 4989 (1859 – 2201)			Tập 15, số đặc biệt 4A: 71 – 78	9/2017
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
9	Expression and insecticidal characterization of Cry8Db protein against <i>Lepidoptera signata</i> Fabricius	7	X	Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology/ISSN: 0972 - 2025	Scopus (IF = 0,240, Q4) vào năm bài báo công bố		Vol 21(14):27 - 36 https://ikprress.org/index.php/PCBMB/article/view/5082	5/2020
10	Nghiên cứu tối ưu quá trình tái sinh tạo đa chồi từ mô sẹo cây xoan ta	3	X	Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu và giảng dạy Sinh học toàn quốc lần thứ IV/ISBN: 978-604-9955-23-5			821 - 829	6/2020
11	Nhân nhanh giống hoa dã yến thảo rũ hồng đậm (<i>Petunia hybrida</i> Hort. ex	2	x	Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu và giảng dạy Sinh học toàn quốc lần thứ			838 - 847	6/2020

	Vilm.-Andr.) bằng kỹ thuật nuôi cấy mô			IV/ISBN: 978-604-9955-23-5				
12	Nghiên cứu quá trình tái sinh hiệu quả giống mía KK3 thông qua callus phát sinh từ cuống lá non	5	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm nghiệp/ISSN: 1859-3828			Số 4: 11 – 20	6/2021
13	Nghiên cứu nhân nhanh dòng bạch đàn H1 bằng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào	3	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm nghiệp/ISSN: 1859-3828			Số 5: 31 – 38	9/2021
14	Nghiên cứu sự tái sinh một bước <i>in vitro</i> của giống mía KK3 (<i>Saccharum officinarum</i> L.)	1	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam Bản B			Số 64(5):71 – 74	5/2022
15	Nghiên cứu một số đặc tính sinh lý và hiệu quả năng suất của mô hình xen canh cây đậu tương và cây ngô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	1	X	Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam/ISSN 1859 – 1558			Số 2: 62 – 66	5/2022
16	Nghiên cứu sử dụng chỉ thị phân tử ISSR (Inter-Simple Sequence Repeat) để đánh giá sự đa dạng di truyền của cây chôm chôm (<i>Nephelium lappaceum</i> L.)	1	X	Tạp chí nông nghiệp phát triển và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859 – 4581			Kỳ 2: 15 – 19	5/2022
17	Molecular identification of <i>Sri Lankan Cassava Mosaic virus</i> causing mosaic disease of cassava in Nghe An province, Vietnam	17	X	Archives of Phytopathology and Plant Protection/ ISSN/eISSN: 0323-5408/ 1477-2906	Scopus; ESCI, Q3; CiteScore (2023): 2,2		55(11): 1317-1326 https://doi.org/10.1080/03235408.2022.2091355	5/2022

18	Nghiên cứu ảnh hưởng của nano bạc đến khả năng sinh trưởng của cây trầu bà thanh xuân (<i>Philodenron selloumspit</i>) trong điều kiện <i>in vitro</i>	1	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm nghiệp/ISSN: 1859-3828			Số 3: 23-28	6/2022
19	Ảnh hưởng của cefotaxime (kháng sinh diệt khuẩn) lên một số động thái phát triển cây lan ý (<i>Spathiphyllum wallisii</i>)	2	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm nghiệp/ISSN: 1859-3828			Số 3: 39-45	6/2022
20	Nghiên cứu quy trình tái sinh chồi từ mô sẹo phôi hóa giống đồng tiền cánh vàng giống cỏ (<i>Gerbera Jamesonii</i> Bolus) từ nụ hoa non bằng công nghệ tế bào	1	X	Tạp chí nông nghiệp phát triển và phát triển nông thôn/ISSN: 1859-4581			Số 12, kỳ 2: 43-48	6/2022
21	Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của nano coban đến một số đặc tính nông sinh học của giống đậu tương DT96 trồng tại Vĩnh Phúc	8	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam Bản B/ISSN: p- 1859 – 4794 e- 2615 - 9929			Tập 64 (2) 2: 45 – 48	7/2022
22	Khảo sát ảnh hưởng của ethyl methane sulfonate đến sự phát sinh biến dị trên cây hoa chuông (<i>Sinningia speciosa</i> (G. Lodd.) Hiern) trong điều kiện <i>in vitro</i>	5		Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp/ISSN: 1859-3828			Số 6: 21-28	9/2022
23	Nghiên cứu ảnh hưởng của hạt nano cobalt hóa trị 0 lên hàm lượng chlorofyll A và các thông số quang hợp	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ nhiệt đới/ISSN:0866-7535			Số 26: 199 - 208	12/2022

	của cây đậu tương (<i>Glycine max</i> (L.) Merr. “DT 96”							
24	Enhanced sugarcane resistance against the scarab beetle <i>Lepidiota signata</i> using ubiquitin promoter in transgenic vector	9	X	International Sugar Journal/ ISSN:0020-8841			Issue No. 149: 212-219	3/2023
25	Genetic diversity and population structure of <i>Canna edulis</i> accessions in Vietnam revealed by ISSR markers	17		Vegetos/ISSN:0970-4078	Scopus, Q3 CiteScore: 2,4 (2023)		https://doi.org/10.1007/s42535-023-00633-1	4/2023
26	Responses to water deficit of Mung Bean cultivars at the vegetative and flowering stages under greenhouse conditions	4	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences/ ISSN:2588-1299			Số 6(4): 1905-1916	11/2023
27	Nghiên cứu ảnh hưởng của đèn LED đến một số chỉ tiêu sinh lý và phát triển của cây vạn lộc (<i>Aglaonema rotundum</i> pink) <i>in vitro</i>	4	X	Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp/ISSN: 1859 – 3828			Số 1: 33-40	12/2023
28	Effect of metal nanoparticles on photosynthetic and antioxidant enzyme activities of soybean	5	X	Romanian Agricultural Research ISSN /eISSN: 1222-4227/2067-5720	ISI/Scopus, Q3 (CiteScore 2023: 0,9) SCIE (IF: 0,5)		41:117-127 https://new.incda-fundulea.ro/images/rar/nr41for/rar41.12.pdf	12/2023
29	Biểu hiện của protein FIT trong các điều kiện sắt khác nhau kết hợp	3		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam/ ISSN:2588-1299			22(1): 10-16	01/2024

	với stress oxy hóa trên cây <i>Arabidopsis</i>							
30	Relative changes in growth and recovery responses of rice to Fe-toxicity at different growth stages	4		Journal of Ecological Engineering/ISSN: 2299-8993	Scopus, Q2, IF (2022): 1,3 CiteScore 2023: 2,7		25(3): 25-37 DOI: https://doi.org/10.12911/22998993/177629	01/2024
31	Nghiên cứu nhân nhanh hai giống cúc đồng tiền cỏ (<i>Gerbera jamesonii</i> Bolus) bằng kỹ thuật nuôi cấy <i>in vitro</i>	4	X	Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam (Bản B)/P-ISSN 1859-4794, E-ISSN 2615-9929			Tập 66 số 2: 66 - 74	02/2024
32	Genetic diversity of Guava varieties (<i>Psidium guajava</i> L.) based on morphology and ISSR molecular markers	3	X	Biodiversitas ISSN: 1412-033X E-ISSN: 2085-4722	Scopus, Q3, CiteScore (2023): 2,8		25(3): 1037-1045 https://doi.org/10.13057/biodiv/d250317	3/2024
33	Ảnh hưởng của một số loại phân hữu cơ đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng dưa chuột (<i>Cucumis sativus</i> L.) trồng tại Vĩnh Phúc trong điều kiện nhà lưới	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học công nghệ Việt Nam (Bản B) SSN: 2525-2518 (print); 2815-5874 (online)			66(05): 43 - 47	5/2024
34	Genetic diversity of rose apple (<i>Syzygium samarangense</i>) varieties based on ISSR molecular markers	3	x	Biodiversitas ISSN: 1412-033X E-ISSN: 2085-4722	Scopus, Q3, CiteScore (2023): 2,8		25 (3): 2003-2010 https://smujo.id/biodiv/article/view/17048	5/2024
35	Ảnh hưởng của nano Coban lên một số chỉ tiêu trao đổi	3	x	Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp/ISSN:			13(3): 3-9	6/2024

nước và năng suất của cây đậu tương			1859-3828				
-------------------------------------	--	--	-----------	--	--	--	--

- Trong đó: 04 (II.17, II.28, II.32, II.34) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS.

II.17. Nguyen Van Liem, Trinh Xuan Hoat, Le Quang Man, Nguyen Manh Hung, Ngo Quang Huy, Le Thi Hang, Mai Van Quan, Dao Thi Phuong Linh, Duong Thi Nguyen, Le Thi Kieu Oanh, Luu Thi Xuyen, Nguyen Viet Hung, Ayaka Uke, Pham Hong Hien, Tran Dinh Ha, Chetan Keswani, **Phan Thi Thu Hien**. Molecular identification of *Sri Lankan cassava mosaic virus* causing mosaic disease of cassava in Nghe An province, Vietnam. *Archives of Phytopathology and Plant Protection* 55.11 (2022): 1317-1326.

II.28. **Phan Thi Thu Hien**, Luu Thi Tam, Nguyen Cam Ha, Dinh Thai Hoang, Dang Diem Hong. Effect of metal nanoparticles on photosynthetic and antioxidant enzyme activities of soybean. *Romanian Agricultural Research* 41(2023): 117-127.

II.32. **Phan Thi Thu Hien**, Le Thi Tuyen Cham, Vu Thi Thuy Hang. Genetic diversity of Guava varieties (*Psidium guajava* L.) based on morphology and ISSR molecular markers. *Biodiversitas* 25(3) (2024): 1037-1045.

II.34. **Phan Thi Thu Hien**, Vu Thi Thuy Hang, Le Thi Tuyen Cham. Genetic diversity of rose apple (*Syzygium samarangense*) varieties based on ISSR molecular markers. *Biodiversitas* 25 (5) (2024): 2003-2010.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Không có						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Không có						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Không có				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Không có				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Sinh học thực nghiệm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Ủy viên (Tham gia)	Quyết định số 1206/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 28/6/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 số 1580/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 15/8/2022	Đã áp dụng
2	Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Sinh học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Ủy viên (Tham gia)	Quyết định thành lập ban chỉ đạo và các tiểu ban điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ Đại học số 1724/QĐ-ĐHSPHN2, ngày 07/09/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh 2022 số 1972/QĐ-ĐHSPHN2, ngày 29/09/2022	Đã áp dụng
3	Thành viên Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học	Thư kí (Tham gia)	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành	Đã áp dụng

	ngành CNSH Trường Đại học Su phạm Hà Nội 2		trình độ Đại học ngành Công nghệ sinh học, số 280/QĐ- ĐHSPHN2, ngày 23/2/2023		Công nghệ sinh học số 592/QĐ- ĐHSPHN2, ngày 24/3/2023	
4	Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Sinh học thực nghiệm, Trường Đại học Su phạm Hà Nội 2	Ủy viên (Tham gia)	Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tổng thể và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ số 2057/QĐ- ĐHSPHN2 ngày 20 tháng 9 năm 2023		Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá tổng thể và cập nhật năm 2024 số 1127/QĐ- ĐHSPHN2 ngày 12/6/2024	Đã áp dụng

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)